

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC3+TD3+RC8	7:25	2+19+0	0+0+0		1+19+2	0+0+0	
2		TD5+TD3	7:25	17+5	0+0		9+13	0+0	
3		RC2 +TD3+RCDM	9:25	RC 20+0	0+0+0		0+20+2	0+0+0	
4		TD5+BK4+GTC1	9:25	22+0+0	0+0+0		11+5+6	0+0+0	
5		TD1+TD5 + 1A0	11:25	6+15	0+0		6+16	0+0	chuyen 1 td1-td5
6		PPD	10:15	19			19		DIEUTRA
7		P8+P4 + P5	13:25	22+0	0+0		7+15	0+0	
8		PPD	13:25	13	0+0		13	0+0	

TTBDSX

(Bên nhận P80, P5, Bên đưa PPD đúng quy định)

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/09/2024	TO: RC3 - TD3 - RC8	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: N 1	FROM: VT	CREW: CHIẾN - SON - DTÙNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HOAI NAM	RC3	02-03	2	10	1	15	77	CODIEN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN MẠNH	RC3	01	1	5	5	28	78	CODIEN	Vietnamese
3	KOROTKOV VICTOR	TD3	80	1	10			120	KHOAN	Russian
4	GUSEINOV MAXIM	TD3	90	1	4			82	KHOAN	Russian
5	LƯU VĂN SƠN	TD3	95-96	2	9			61	KHOAN	Vietnamese
6	NGÔ VĂN KIỂM	TD3	91	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ THANH HAI	TD3	03	1	7			99	KHOAN	Vietnamese
8	PHẠM TRƯỜNG ANH	TD3	93-94	2	13			80	KHOAN	Vietnamese
9	VŨ TOÀN THĂNG	TD3	87	1	10			78	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN HAI NAM	TD3	92	1	3			69	KHOAN	Vietnamese
11	LA THANH	TD3	97	1	5	3	20	75	YTE	Vietnamese
12	TRẦN MINH THĂNG	TD3	89	1	5			130	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ QUANG HIẾU	TD3	83	1	5			115	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	81	1	6			76	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẠO LÊ XUÂN SƠN	TD3	100	1	7			72	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN TRỌNG BĂNG	TD3	86	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
17	VUÔNG HỮU QUỐC THAI	TD3	82	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3						79	KHOAN	Vietnamese
19	ĐẶNG ĐÌNH ĐỊNH	TD3	88	1	7			59	KHOAN	Vietnamese
20	PHẠM TIẾN CHUNG	TD3	85	1	2			90	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN VĂN HAI -81	TD3	84	1	4			55	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

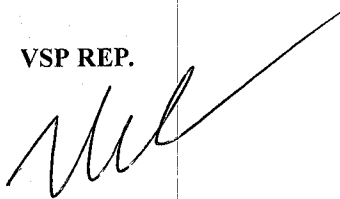
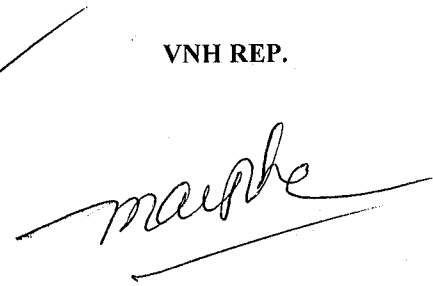
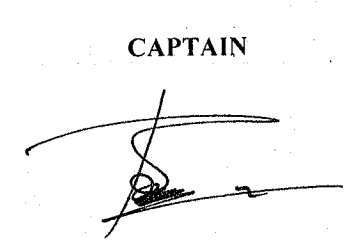
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC3	2	155	3	15	6	43	1		
2	TD3	19	1.553	20	111	3	20	19		
3	RC8	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		21	1.708	23	126	9	63	22		
WEIGHT KG			1.708		126		63			

GRAND TOAL: 1.897 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/09/2024	TO: TD5 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: N 2	FROM: VT	CREW: HUNG - N.CUONG -	ETA: 09:20
XANH-1		NNAM	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VAN PHU	TD5	25-26	2	16			70	DMC-MI	Vietnamese
2	DAVYDOV DANIIL	TD5	38	1	5			70	KHOAN	Russian
3	CHUSH MAKSIM	TD5	37	1	7			105	KHOAN	Russian
4	TRAN VAN THIEU	TD5	31	1	7			85	KHOAN	Vietnamese
5	VY HUNG CUONG	TD5	36	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
6	LUU VAN MANH	TD5	33	1	5			59	KHOAN	Vietnamese
7	HA VAN PHUC	TD5	40-41	2	8			77	KHOAN	Vietnamese
8	VAN CONG THUY	TD5	27	1	6			61	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM DANG KHOI	TD5	42	1	10	1	13	92	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DINH HUYNH	TD5	29	1	2			84	KHOAN	Vietnamese
11	BUI DINH PHUC	TD5	32	1	2	5	100	71	KHOAN	Vietnamese
12	TU DUONG DUNG	TD5	24	1	3			71	KHOAN	Vietnamese
13	CAO DUC HAI	TD5	28	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
14	HO VAN TIEN	TD5	23	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
15	HO NGOC LIEM	TD5	34-35	2	7			67	KHOAN	Vietnamese
16	PHAM XUAN THUY	TD5	30	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN MINH TIEN	TD5	39	1	8			93	KHOAN	Vietnamese
18	CAO DUC SANG	TD3	33-34	2	12			57	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN SANG	TD3	31	1	5			82	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG THANH TU	TD3						86	KHOAN	Vietnamese
21	TRANG NGOC HUNG	TD3	35	1	13			66	KHOAN	Vietnamese
22	BUI HUU VUNG	TD3	32	1	5			92	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	17	1.303	20	106	6	113	9		
2	TD3	5	383	5	35	0	0	13		
TOTAL		22	1.686	25	141	6	113	22		
WEIGHT KG			1.686		141		113			

GRAND TOAL: 1.940 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/09/2024	TO: TD3 - RCDM	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: N 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - SON - DTÙNG	ETA: 11:45
CAM-2			

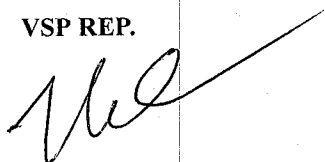
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN VAN HUNG	TD3	04	1	5			82	KHOAN	Vietnamese
2	HA KHUONG DUY	TD3	20-21	2	16			66	KHOAN	Vietnamese
3	LE VAN QUAN	TD3	27-28	2	9			64	KHOAN	Vietnamese
4	VU HUU KE	TD3	22-23	2	10			80	KHOAN	Vietnamese
5	TRINH NGOC TU	TD3	10	1	8			75	CODIEN	Vietnamese
6	LUU VAN DAN	TD3	24	1	10	2	40	60	CODIEN	Vietnamese
7	HA QUANG HUY	TD3	09	1	6	6	100	67	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN TRUNG PHONG	TD3	11	1	10	1	10	67	CODIEN	Vietnamese
9	ĐANG TRỌNG DUNG	TD3	13-14	2	9			65	CODIEN	Vietnamese
10	TRẦN VIỆT HỒ	TD3	05-06	2	18			72	DVL	Vietnamese
11	MULNIUCHKIN V.V	TD3	08	1	12			92	DVL	Russian
12	NGUYEN VAN HOI	TD3	07	1	11			65	DVL	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TIEN	TD3	25	1	7			53	DVL	Vietnamese
14	NGUYEN HOANG LONG	TD3	26	1	8			70	DVL	Vietnamese
15	HOANG GIANG LAM	TD3	19	1	6			78	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN DINH MUOI	TD3	18	1	4			75	PSV	Vietnamese
17	ĐẠO VĂN TIẾN	TD3	16-17	2	9			58	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN TUAN	TD3	12	1	3			68	PSV	Vietnamese
19	PHẠM VĂN TUÔNG	TD3	15	1	6			78	PSV	Vietnamese
20	BUI HAI THANH	TD3	29,32	2	12			68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

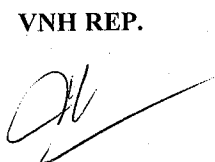
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	20	1.403	27	179	9	150	20		
2	RCDM	0	0	0	0	2	30	2		
TOTAL		20	1.403	27	179	11	180	22		
WEIGHT KG			1.403		179		180			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

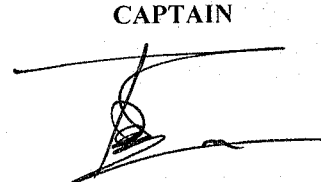
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/09/2024	TO: TD5 - BK4 - GTC1	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: N 4	FROM: VT	CREW: HUNG - N.CUONG -	ETA: 11:40
XANH-2		NNAM	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ALEKHIN ALEXANDR	TD5	77	1	8			99	KHOAN	Russian
2	ĐINH VĂN BÁC	TD5	89-90	2	11			69	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	87	1	4			82	KHOAN	Vietnamese
4	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD5	84	1	12			86	KHOAN	Vietnamese
5	DO TRONG LUONG	TD5	29-30	2	23			62	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THÈ	TD5	95	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
7	MAI TRƯƠNG TRUNG	TD5	76	1	3			60	H	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	31	1	5			61	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	75	1	4			76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC NGHĨA	TD5	82	1	8	1	20	72	PVD TRAIN	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC TUẤN	TD5	86	1	17	2	25	67	PVD TRAIN	Vietnamese
12	TRẦN VĂN LẠI	TD5	78-79	2	15			63	PVD TRAIN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THĂNG	TD5	96-97	2	13			70	PVD TRAIN	Vietnamese
14	HOANG THAI SON	TD5	92-93	2	18			74	PVD TRAIN	Vietnamese
15	ĐOÀN HỮU TĂNG	TD5	80	1	5			61	PVD TRAIN	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN TAO	TD5	94	1	11			65	PVD TRAIN	Vietnamese
17	TRƯƠNG MINH THỌ	TD5	85	1	12			77	PVD TRAIN	Vietnamese
18	PHÙNG NGUYỄN NGỌC	TD5	81	1	4			91	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN NGỌC TIẾN	TD5	200	1	10			61	DVL	Vietnamese
20	ĐỖ TRỌNG HIỀN	TD5	98-99	2	15			66	DVL	Vietnamese
21	DƯƠNG TRUNG KIẾN	TD5	88	1	10			61	DVL	Vietnamese
22	NGUYỄN HOÀNG SƠN	TD5	91	1	7			70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	22	1.559	28	220	3	45	11		
2	BK4	0	0	0	0	0	0	5		
3	GTC1	0	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	1.559	28	220	3	45	22		
WEIGHT KG			1.559		220		45			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/09/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 618	ETD: 10:45
FLIGHT: CAP CUU	TO: PPD	CREW: NAM - XTRUÔNG	ETA: 12:00

ROUTE: VT - PPD - VT

No.	PAXNAME		COMPANY	NATIONALITY	PASSPORT	TAG	BAG		BODY
							PCS	KGS	W.T
SECTOR 1 : VT - PPD									
1	PHAN TIEN DAT		KH- THAC	Vietnamese	077095005006		0	0	80
2	VO DAI ANH TUAN		KH- THAC	Vietnamese	060085010198		0	0	60
3	PHAN CONG		NGUOI NHA	Vietnamese	034076014144		0	0	58
4	NGUYEN NGOC ANH TUAN		KH- THAC	Vietnamese	079083004568		0	0	75
5	NGUYEN ANH TU		CONG AN	Vietnamese	060090000186		0	0	79
6	TRUONG DUY VUONG		CONG AN	Vietnamese	038087025159		0	0	76
7	NGUYEN THI NGOC PHU		CONG AN	Vietnamese	072183001779		0	0	62
8	NGUYEN VAN MAU		CONG AN	Vietnamese	040089042650		0	0	78
9	HOANG BA THANG		XAY LAP	Vietnamese	040085000351	01	1	19	60
10	VU THI NHUNG		VKS	Vietnamese	038189013015		0	0	62
11	NGUYEN NAM THAI		AN TOAN	Vietnamese	0770830085033	68	1	3	60
12	TA VAN CUONG		XAY LAP	Vietnamese	001065037374	66-67	2	15	71
13	NGUYEN SY LUC		XAY LAP	Vietnamese	040073000150	64-65	2	15	67
14	PHAM CAO CUONG		XAY LAP	Vietnamese	0370852011746	62-63	2	15	56
15	LE QUOC THUY		XAY LAP	Vietnamese	036086007781	60-61	2	15	67
16	TRUONG QUANG HOAN		XAY LAP	Vietnamese	042082010930	58-59	2	16	66
17	DO THANH HUNG		Y TE	Vietnamese	030079018197		0	0	63
18	PHAN QUOC TUAN		DIEU HANH	Vietnamese	079080004135		0	0	76
19	NGUYEN PHUONG TRINH		VKS	Vietnamese			0	0	60
	PAX OUT	19		PAX IN	19	WT:	12	98	1.276
	TOTAL	19							

FREIGHT

No.	FREIGHT DESCRIPTION	TAG	DEST.	QTY	WEIGHT (KGS)
1			PPD		

REMARK :

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

PAX.WEIGHT 1.276

BAG.WEIGHT 98

CARGO WEIGHT 0

TOTAL 1.374

FINISHED: 00:00

FUEL

CONFIRMED BY HLO (Name & signature)

1. TOTAL OF PAX

2. FREIGHT'S BAG:

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/09/2024	TO: TD1 - TD5 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: N 5	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.ANH - THÀNH	ETA: 14:00
Car - 3			

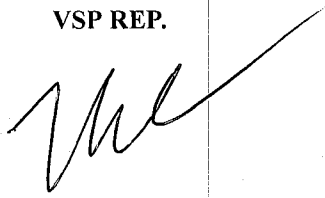
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI VĂN TUÂN	TD1	26-27	2	17			65	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐẶNG XUÂN TRƯỞNG	TD1	31-32	2	17			53	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH LONG	TD1	28	1	10			66	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD1	29-30	2	13			69	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐÌNH QUANG THAI	TD1	33-34	2	21			69	XAYLAP	Vietnamese
6	BAZHIKOV TIMUR	TD1	35-36	2	7			90	NIPI	Russian
7	NGUYỄN TIẾN QUYÊN	TD5	13	1	17			60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	TD5	12	1	5			66	XAYLAP	Vietnamese
9	MAI XUÂN TOÀN	TD5	05-06	2	17			57	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TÂN	TD5	09-10	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH TIẾN	TD5	11	1	17			71	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN THÀNH NAM	TD5	16-17	2	23			75	XAYLAP	Vietnamese
13	VƯƠNG ĐÌNH ĐÔNG	TD5	14-15	2	9			95	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐĂNG NAM	TD5	02	1	3			67	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TIẾN	TD5	01	1	3			60	PSV	Vietnamese
16	VŨ QUỐC VIỆT	TD5	08	1	4			82	PSV	Vietnamese
17	ĐOÀN TRUNG KIẾN	TD5	21-22	2	7			62	PSV	Vietnamese
18	VŨ MINH NAM	TD5	04	1	10			91	PVD TRAIN	Vietnamese
19	ĐẶNG VĂN NGHĨA	TD5	07	1	6			80	PVD TRAIN	Vietnamese
20	TÔN QUỐC VŨ	TD5	18-20	3	19			79	PVD TRAIN	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN BĂNG	TD5	03	1	7			81	PVD TRAIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	6	412	11	85	0	0	5	1	CHUYEN 1 PAX TDI-TD5
2	TD5	15	1.090	22	167	0	0	16		
3	P10	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	1.502	33	252	0	0	22		
WEIGHT KG			1.502		252		0			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/09/2024	TO: P8 - P4 - P5	AIRCRAFT: 410	ETD: 14:30
FLIGHT: N 6	FROM: VT	CREW: TUYỀN - N.ANH - THÀNH	ETA: 16:20
XANH-4			

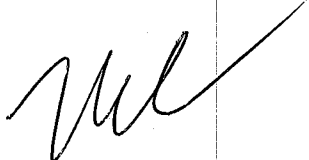
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	P8	06.68	2	10			67	THIÊN NAM	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC TÍN	P8	85	1	4			58	THIÊN NAM	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC TIẾN	P8	75	1	7			72	THIÊN NAM	Vietnamese
4	BUI NGUYỄN TRUNG HẬU	P8	80	1	10			57	THIÊN NAM	Vietnamese
5	NGUYỄN NGHĨA TUÔNG	P8	83	1	7			67	THIÊN NAM	Vietnamese
6	PHAN THANH TÂM	P8						55	THIÊN NAM	Vietnamese
7	VÔ THANH SƠN	P8	70	1	4			60	THIÊN NAM	Vietnamese
8	TRẦN VĂN ĐẠI	P8	76-77	2	15	2	18	70	THIÊN NAM	Vietnamese
9	LÊ VĂN HẠO	P8						65	THIÊN NAM	Vietnamese
10	LÊ MINH THUẬN	P8	81	1	7			58	THIÊN NAM	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC HAI	P8	84	1	6			50	THIÊN NAM	Vietnamese
12	DOÀN HỮU TRUYỀN	P8	71	1	16			62	THIÊN NAM	Vietnamese
13	NGUYỄN NGHĨA TUẤN	P8						73	THIÊN NAM	Vietnamese
14	TRẦN ĐÌNH MẠNH	P8	72	1	3			61	THIÊN NAM	Vietnamese
15	ĐỖ VĂN LINH	P8	07	1	6			70	THIÊN NAM	Vietnamese
16	NGUYỄN BA	P8	69	1	12			78	THIÊN NAM	Vietnamese
17	HOANG VĂN BĂNG	P8	06	1	6			75	THIÊN NAM	Vietnamese
18	NGUYỄN BA HẠNH	P8	86	1	7			82	THIÊN NAM	Vietnamese
19	ZHDANOV VLADIMIR	P8	82	1	12			128	KHOAN	Russian
20	ĐÌNH VĂN ĐỒNG	P8	73	1	4			60	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN HỒNG	P8	74	1	5			52	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HOÀI	P5	38	1	6			56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	21	1.420	20	141	2	18	6		
2	P4	0	0	0	0	0	0	15		
3	P5	1	56	1	6	0	0	1		
TOTAL		22	1.476	21	147	2	18	22		
WEIGHT KG			1.476		147		18			

GRAND TOAL: 1.641 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/09/2024	TO: PPD	AIRCRAFT: 618	ETD: 13:00
FLIGHT: CC	FROM: VT	CREW: NAM - XTRƯỜNG	ETA: 14:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LE VAN NIN	PPD	39-40	2	16			70	XAY LAP	Vietnamese
2	LUU CONG DINH	PPD	46	1	10			61	XAY LAP	Vietnamese
3	LE MINH KHANH	PPD	34-35	2	14			67	XAY LAP	Vietnamese
4	NGUYEN VAN NAM	PPD	53-54	2	15	1	20	65	XAY LAP	Vietnamese
5	LA KHAC HAO	PPD	45	1	12			53	XAY LAP	Vietnamese
6	HO VAN DUYET	PPD	43-44	2	20			60	XAY LAP	Vietnamese
7	TRAN VU DUC	PPD	49-50	2	13			72	XAY LAP	Vietnamese
8	VUONG HUY HOAN	PPD	41-42	2	20			65	XAY LAP	Vietnamese
9	TRAN VAN TRUONG	PPD	37	1	10	1	10	65	XAY LAP	Vietnamese
10	NGUYEN XUAN THANH	PPD	51-52	2	20			64	XAY LAP	Vietnamese
11	VU QUANG TRUONG	PPD	47	1	15	1	15	65	XAY LAP	Vietnamese
12	DO TIEN MANH	PPD	55-56	2	20			73	XAY LAP	Vietnamese
13	LE VAN HUAN	PPD	36	1	6			67	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	PPD	13	847	21	191	3	45	13		THAO 6 GH CHO CANG VSP
TOTAL		13	847	21	191	3	45	13		
WEIGHT KG			847		191		45			

GRAND TOAL: 1.083 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 07/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P10+GTC1+RP3	7:25	15+6+0	0+0+0		12+0+10	0+0+0	
2		P8+P10+CIO	9:25	7+14+0	0+0		3+16+2	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 07/09/2024	TO: P10 - GTC1 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: KHOÀN - NPHÚ -	ETA: 09:20
XANH - 1		QTRƯỜNG	

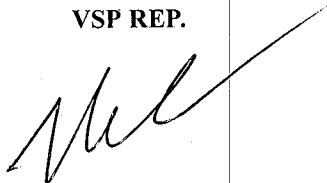
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN DŨNG	P10	39-41	3	19			56	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN QUYÊN	P10	34	1	12	1	8	66	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN NGỌC QUYẾT	P10	25	1	12			65	XAYLAP	Vietnamese
4	PHẠM VĂN VUI	P10	30-31	2	17			63	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH PHONG	P10	37-38	2	14			69	XAYLAP	Vietnamese
6	NGÔ HỒNG THANH	P10	23	1	12			69	XAYLAP	Vietnamese
7	BUI NGỌC NAM	P10	42	1	11			69	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC CUONG	P10	45-46	2	22			72	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC MẠNH THANG	P10	43-44	2	17			67	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN BẠC	P10	24	1	17			74	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN TUẤN ANH	P10	28-29	2	15			78	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ QUANG HUY	P10	32-33	2	14			50	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN KHANH	P10	27	1	15			71	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN TRẦN TÍN	P10	21-22	2	11			76	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC GIÁP	P10	35-36	2	25			59	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P10	26	1	12			87	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN HUU THIEN	P10						62	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI VĂN TRI	GTC1	45	1	7			69	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐỖ QUANG TẠO	GTC1	43	1	12			72	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN HỒ QUANG	GTC1	46	1	12			58	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN HUU ĐỨC	GTC1	27	1	9			84	XAYLAP	Vietnamese
22	HOANG ĐÌNH THUẬN	GTC1	44	1	8			67	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P10	17	1.153	26	245	1	8	15		
2	GTC1	5	350	5	48	0	0	0		
3	RP3	0	0	0	0	1	7	7		
TOTAL		22	1.503	31	293	2	15	22		
WEIGHT KG			1.503		293		15			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



Signature VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 07/09/2024	TO: P8 - P10 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: KHOÀN - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CHAKKRAPHAN CHITSUE	P8	98	1	8	1	17	55	KH-THAC	Thailand
2	NGUYEN CUU VINH	P8	89,93	2	17			55	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN THANH	P8	87	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
4	SUPAKIT BOONNIAM	P8	59-60	2	20			65	KH-THAC	Thailand
5	WORAPOL SONSUKHON	P8	96	1	8	1	16	67	KH-THAC	Thailand
6	PRUEDTHIKRAI KOONSED	P8	94	1	7	1	17	102	KH-THAC	Thailand
7	ĐINH VAN LUU	P8	88	1	6			52	PSV	Vietnamese
8	PHAN VAN HANH	P10	64	1	10	1	12	80	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM TUAN KHANH	P10	49-50	2	19			69	XAYLAP	Vietnamese
10	CU VIET LONG	P10	66	1	15	1	17	67	XAYLAP	Vietnamese
11	LE XUAN LAP	P10	56	1	16			68	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN HUU HOANG	P10	52	1	11	1	14	69	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN DINH PHU	P10	60	1	10	1	14	79	XAYLAP	Vietnamese
14	LE HUU CUONG	P10	54-55	2	17			80	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN DINH QUAN	P10	62-63	2	17			60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN KHAC THINH	P10	51	1	13			75	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN THAI THANH	P10	57	1	11			54	XAYLAP	Vietnamese
18	PHUNG VAN PHUONG	P10	48	1	8			62	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN VAN PHUC	P10	58-59	2	12			75	XAYLAP	Vietnamese
20	LE HONG DUY	P10	68	1	12	1	16	68	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYEN QUANG TIEN	CLO	59	1	2			72	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P8	7	466	9	73	3	50	2		
2	P10	13	906	17	171	5	73	13		
3	CLO	1	72	1	2	0	0	3		100 kg về VN
TOTAL		21	1.444	27	246	8	123	18		Sea
WEIGHT KG			1.444		246		123			

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN